

CHỮ “TỨC” TRONG PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA

Người đời và những người mới học đạo đều nhìn sự vật với tính cách cố định. Nói ác hẳn là ác, nói thiện hẳn là thiện, phải hẳn là phải, quấy hẳn là quấy, có hẳn là có, không hẳn là không... họ không hiểu nổi lối nói “cái này tức là cái kia”, trong kinh điển Đại thừa. Họ cho lối nói này ỡm ờ mờ ám không chấp nhận được. Song với tinh thần Đại thừa Phật giáo, nhìn sự vật thấy rõ không có bản chất cố định, không ngoài nhau. Vì thế, trong kinh nói “Sắc tức là Không, Không tức là Sắc”, hay “Phiền não tức Bồ-đề”, hoặc “Sanh tử tức Niết-bàn”. Chỉ một chữ “Tức” làm sáng tỏ nghĩa không cố định, không ngoài nhau của các Pháp.

SẮC TỨC LÀ KHÔNG, KHÔNG TỨC LÀ SẮC

Câu này xuất phát từ kinh Bát-nhã. Chữ Sắc ở đây là chỉ cho Sắc uẩn. Dưới con mắt đức Phật, thân này do năm uẩn kết hợp thành. Sắc uẩn là phần vật chất; thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn là phần tinh thần. Chẳng riêng gì sắc uẩn tức là không, mà thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Bởi vì bản chất mọi uẩn không tự có, do duyên hòa hợp thành. Đã do nhân duyên hòa hợp thì làm sao cố định được. Trước khi nhân duyên hòa hợp nó không có, sau khi nhân duyên ly tán, nó cũng không, chính khi duyên đang hợp phân tích ra cũng không có thực thể của nó. Ví như nắm tay, trước khi co nắm ngón lại, không có nắm tay, sau khi buông nắm ngón ra không có nắm tay, đang khi co nắm ngón lại nếu phân tích từng ngón cũng không có nắm tay. Thế thì, nắm tay chỉ là cái tên tạm gọi khi co nắm ngón lại, chứ không có thực thể cố định của nắm tay. Sắc uẩn không cố định nên nói “sắc tức là không”; không, khi đủ duyên hợp thành sắc nên nói “không tức là sắc”, sắc chẳng ngoài tính chất không cố định, không cố định chẳng ngoài sắc, nên nói “sắc tức là không, không tức là sắc”! Thấu triệt lý các pháp tùy duyên biến chuyển, không đứng yên, không tự thành, là thông suốt câu “sắc tức là không, không tức là sắc”.

PHIÊN NÃO TỨC BỒ-ĐỀ

Câu này bàng bạc trong các kinh Đại thừa. Phiền não là si mê bực bội đau khổ. Bồ-đề là giác ngộ yên tĩnh an vui. Hai thứ bản chất trái ngược nhau, tại sao lại nói cái này tức cái kia? Bởi phiền não bản chất không cố định, khi biết chuyển hoặc biết xả liền thành Bồ-đề. Cái động không ngoài cái tĩnh, dừng động tức là tĩnh. Cái sáng không ngoài cái tối, hết tối tức là sáng. Chúng ta cứ quen chạy tìm cái giác ở ngoài cái mê, tìm an vui ngoài đau khổ. Sự thật không phải thế, hết mê tức là giác, dứt khổ tức là vui. Thiền sư Tư Nghiệp người Trung Hoa, khi chưa xuất gia làm nghề hàng thịt. Một hôm mổ heo, bỗng dưng ông thức tỉnh, bỏ nghề đi xuất gia. Khi xuất gia, ông làm bài kệ:

Tạc nhật Dạ-xoa tâm

Kim triều Bồ-tát diện

Bồ-tát dữ Dạ-xoa

Bất cách nhất điều tuyến.

Dịch:

Hôm qua tâm Dạ-xoa,

Ngày nay mặt Bồ Tát

Bồ-tát cùng Dạ-xoa

Không cách một sợi chỉ.

Biết dừng phiền não tức Bồ-đề, không phải nhọc nhằn tìm kiếm đâu xa. Bồ-đề đã sẵn có nơi mình, do phiền não dấy khởi phủ che nên Bồ-đề bị ẩn khuất. Một khi phiền não lắng xuống thì Bồ-đề hiện tiền. Chúng ta ôm đầy một bụng phiền não chạy tìm Bồ-đề, dù chạy cùng ngàn sông muôn núi tìm vẫn không thấy Bồ-đề. Chỉ khéo ngồi yên lại cho phiền não lắng xuống thì Bồ-đề hiện tiền.

Như khi trời đổ mưa to, nước mưa từ hư không mưa xuống là trong sạch, song rơi đến mặt đất lồi cuốn bụi bặm bùn đất chảy xuống ao hồ, thấy toàn nước đục. Có người cần nước trong xài, ra ao hồ nhìn thấy toàn nước đục không biết làm sao. Gặp người thông minh bảo: nước đục tức là nước trong, anh ta ngần ngại không hiểu, ông này bảo: Anh cứ gánh về đổ vào lu, lấy ít phen quậy nhiều vòng cho nước cuốn lộn lên, rồi để yên vài tiếng đồng hồ, cặn bụi lắng xuống nước sẽ trong. Anh chàng kia làm đúng như người thông minh dạy, kết quả anh được nước trong.

Bởi vì nước mưa nguyên là trong, do bụi đất cuốn theo và hòa tan trong nước nên trở thành đục. Kể khi thấy nước đục khác với nước trong, tưởng chừng như nước trong ngoài nước đục mà có, nên khi cần nước trong thấy nước đục là thất vọng, không biết phải tìm nước trong ở đâu. Người trí biết nước mưa vẫn trong, do bụi đất hòa lẫn nên đục, chỉ cần lắng bụi đất trở thành nước trong. Vì thế, khi thấy nước đục, họ vẫn quả quyết nói “nước đục tức là nước trong”. Chữ tức ở đây để chỉ nước trong không cố định trong, do duyên hợp thành đục; nước đục không cố định đục, do duyên lắng thành trong. Nước đục không ngoài nước trong mà có; nước trong không thể bỏ nước đục mà tìm. Bồ-đề và phiền não cũng thế, phiền não không cố định phiền não, do duyên hợp thành phiền não, Bồ-đề không cố định Bồ-đề, do duyên lắng sạch thành Bồ-đề. Bồ-đề không ngoài phiền não mà có, phiền não không ngoài Bồ-đề mà sanh. Bỏ phiền não chạy tìm Bồ-đề như người lưới cá trên không, bẫy chim đáy biển, rốt cuộc chỉ phí công vô ích.

Nước đục lắng thành nước trong, trẻ con thấy mới được nước trong, người lớn biết nước trước nguyên trong, nay lắng trở lại trạng thái cũ, có gì là “được”. Nếu trước nước vốn đục, nay lắng mấy cũng không trở thành trong. Cũng vậy, nếu tất cả

chúng sanh không có sẵn tánh giác, dù có tu hành đến đâu cũng không thể giác được. Chư Phật, Bồ-tát trước cũng là chúng sanh, các Ngài tu hành đã giác ngộ được, tất cả chúng ta nếu biết tu hành chắc chắn sẽ giác ngộ như các Ngài. Vì thế, chư Phật thấy rõ tất cả chúng sanh đều có tánh giác, vì vô minh phiền não che đậy trở thành mê, một khi khéo tu lóng sạch vô minh phiền não liền trở lại giác. Từ mê sang giác, chúng sanh tưởng là mới được, nên thấy có chứng có đắc. Chư Phật biết rõ chỉ trở lại tánh giác sẵn có, nên nói vô chứng vô đắc. Vô chứng vô đắc không có nghĩa là không ngộ, mà không còn mê, hằng sống lại tánh giác của mình. Cái đã sẵn có, trở lại với nó có gì thêm bớt mà nói chứng đắc. Tuy không chứng đắc mà hằng giác chẳng mê, làm sao nói không ngộ được?

Biết trong nước đục vốn là nước trong, nước đục khéo lóng sẽ thành nước trong, đó là cái thấy của người thông minh. Đức Phật cũng thế, Ngài thấy tất cả chúng sanh đều sẵn có tánh giác, dù đang mê tánh giác cũng không mất, nên nói “Ta thấy tất cả chúng sanh đã thành Phật”. Lại có khi Ngài nói “Ta là Phật đã thành, các ông là Phật sẽ thành”. Bởi chúng ta đã sẵn tánh giác, một khi thức tỉnh huân tu tánh giác sẽ hiển hiện, việc này không có gì là lạ. Câu Phật nói trước có vẻ khó hiểu, đã thành Phật tại sao chúng sanh vẫn mê muội loạn cuồng. Bởi vì Phật cũng là một chúng sanh như chúng ta, Ngài khéo lóng vô minh phiền não chìm lặng trở thành giác ngộ. Nếu không có tánh giác sẵn, dù Ngài tu đến muôn a-tăng-kỳ cũng không ngộ, nói gì ba a-tăng-kỳ. Thấy chúng sanh sẵn có tánh giác, nói “đã thành Phật” thì có lỗi gì? Có sẵn tánh giác mà cứ quên, mãi tạo nghiệp đi trong sanh tử luân hồi, càng luân hồi càng tạo nghiệp, nghiệp mê chồng chất nên thành mê muội loạn cuồng. Một phen thức tỉnh, dừng bước luân hồi, nghiệp mê băng hoại, mới tin “ta là Phật sẽ thành”.

SANH TỬ TỨC NIẾT-BÀN

Chúng sanh mãi trôi lăn, lặn hụp trong biển luân hồi sanh tử, dừng sanh tử được an lành là Niết-bàn. Sanh tử là khổ đau. Niết-bàn là an lạc. Sự khổ đau an lạc dường như hai mà không phải hai. Như người đi trên vai gánh một gánh nặng đi xa, họ cảm nghe nhọc nhằn vô kể, để gánh nặng xuống nghỉ, họ cảm thấy nhẹ bỗng an vui. Cái nhọc nhằn và an vui người này cảm giác được, dường như hai mà không phải hai. Chẳng qua, khi gánh nặng còn đè trĩu trên vai là đau khổ, để gánh nặng xuống thì an vui. Do hết khổ gọi là vui, chớ không có cái vui từ đâu đem đến. Niết-bàn và sanh tử cũng thế, do hết sanh tử gọi là Niết-bàn, không có Niết-bàn ngoài sanh tử.

Chúng sanh tạo nghiệp, lại do nghiệp dẫn chúng sanh loanh quanh lẫn lộn, không có ngày cùng. Chúng ta vì sự sống tạo nghiệp, nghiệp lại dẫn chúng ta qua lại trong tam giới, lên xuống trong sáu đường, không biết bao giờ ra khỏi. Nếu khéo tu dừng nghiệp thì bánh xe luân hồi sẽ theo đó

mà dừng. Theo nghiệp trôi lăn là sanh tử, dừng nghiệp lặng yên là Niết-bàn. Vì thế, cần được Niết-bàn, chúng ta phải dừng nghiệp. Có nhiều người tưởng Niết-bàn là một cảnh giới xa xôi đẹp đẽ như cảnh Cực Lạc chẳng hạn. Họ cố cầu xin Phật, Bồ-tát cho họ được Niết-bàn hoặc tìm minh sư đạt đạo nhờ truyền pháp hay điếm đạo cho họ được Niết-bàn. Họ không ngờ sạch nghiệp tức là Niết-bàn. Nghiệp lại do mình tạo, chỉ cần tìm ra động cơ chủ yếu tạo nghiệp, bắt nó dừng lại thì Niết-bàn hiện tiền. Tâm thức lảng xảng của chúng ta là chủ động tạo nghiệp, khéo tu dừng lặng nó thì Niết-bàn xuất hiện. Dừng ngắn thì được Niết-bàn ngắn, dừng lâu thì được Niết-bàn lâu, dừng hẳn thì được Niết-bàn viên mãn.

Sở dĩ có Niết-bàn là do đối với sanh tử mà lập, một khi sanh tử dứt sạch thì Niết-bàn cũng không còn chỗ đứng. Kinh có câu “Niết-bàn sanh tử đồng như hoa đóm trong không”. Đã là hai danh từ đối đãi mà lập thì đều không thật. Không có sanh tử thì không có Niết-bàn; không có Niết-bàn thì nói gì là sanh tử. Như không có khổ thì không có vui, không có vui thì làm sao biết khổ. Niết-bàn và sanh tử không riêng lập và không ngoài nhau, nên nói “Sanh tử tức Niết-bàn”.

Sẽ có người bảo, sanh tử là do nghiệp dẫn là pháp sanh diệt, hư dối là phải, Niết-bàn là dứt sạch nghiệp là chân thật, tại sao lại nói hư dối? Quả thật Niết-bàn không hư dối, song danh từ Niết-bàn là hư dối. Thực thể Niết-bàn không có hình dáng để diễn tả, không có ngôn ngữ để nói bàn, nó vượt ngoài pháp đối đãi thế gian. Ngôn ngữ chúng ta sử dụng để diễn đạt tâm tư đều nằm trong đối đãi không thật. Dù là ngôn ngữ Niết-bàn, cũng chỉ là lớp mây phủ núi, chớ không phải là núi, đứng về núi mà nhìn thì nó là cái hư dối bên ngoài không đáng kể. Thế nên nói “như hoa đóm trong hư không” mà thực thể chẳng phải không.

THIỆN TỨC ÁC, ÁC TỨC THIỆN, PHẢI TỨC QUÁY, QUÁY TỨC PHẢI

Ta có thể nói rộng ra “thiện tức ác, ác tức thiện” hay “phải tức quấy, quấy tức phải”... chẳng hạn. Bởi vì, dù là việc thiện mà chúng ta cố chấp liền trở thành ác. Ví như người theo tôn giáo A tự thấy là hay là lợi ích, liền khuyên bà con thân quyến cùng theo với mình. Nếu những người thân không bằng lòng theo, tức thì sanh tâm giận ghét. Thế không phải chấp thiện thành ác là gì? Tuy là việc ác, chúng ta ý thức được liền bỏ là trở thành thiện. Như anh A nghe theo bạn bè làm việc trộm cắp, gặp người tốt nhắc nhở giải thích cho A biết việc làm ấy là xấu xa, tội lỗi, A liền bỏ nghề trộm cắp. Quả thật ác biết bỏ liền trở thành thiện.

Phải quấy cũng không có tiêu chuẩn cố định, nếu ta chấp vào cái phải của mình liền trở thành quấy. Bao nhiêu việc cái vã chữ lộn đánh lộn đầu không phải do chấp phải mà ra. Có người nào sau khi đánh lộn, bị người hỏi, dám nhận là tôi

quấy đảo. Mọi người đều thấy mình phải nên có đầu đũa. Ngược lại, người ý thức việc làm của mình là quấy tự bỏ, liền trở thành phải. Những người làm đường lạc lối, khi họ thức tỉnh xoay trở lại đường lành liền trở thành người tốt. Mọi sự việc trong đối đãi đều như thế cả, không có một sự việc gì là cố định. Cái phải của A không phải là cái phải của B. Cái phải của nhóm C không phải là cái phải của nhóm D. Cái phải của xứ này không phải là cái phải của xứ khác. Cái phải của thời gian trước không phải là cái phải của thời gian sau. Thế thì, lấy đầu làm tiêu chuẩn mà chấp phải quấy! Chấp chặt phải quấy là ngu xuẩn là khổ đau. Biết buông xả linh động tùy thời là người khôn ngoan an ổn.

CHỮ TỨC ĐỐI TRONG VẠN VẬT

Ta đi xa hơn ra ngoài giới, với mọi sự vật dùng chữ TỨC vẫn đúng lẽ thật. Như nói “thể lỏng tức là thể hơi” hoặc nói “thể hơi tức là thể lỏng”. Nước là thể lỏng đun nóng bốc lên thành hơi, hơi nước lên cao gặp khí lạnh đọng lại rơi xuống thành nước thể lỏng. Cũng có thể nói “thể lỏng tức là thể cứng, thể cứng tức là thể lỏng”. Nước là thể lỏng khi để vào tủ lạnh cô đọng thành nước đá thể cứng; nước đá đem để ngoài nắng tan thành nước thể lỏng. Ngoài nước ra, các loại chì, đồng, sắt..., từ thể cứng để vào lò nấu sức nóng lên đến 1.000 ^{OC trở lên sẽ chảy thành thể lỏng, thể lỏng đó đem ra để nguội trở thành} cứng... Vì thế, thấu hiểu chữ TỨC là thấy đúng lẽ thật, cũng là thấy tốt cùng lý tùy duyên chuyển biến của các pháp. Môn hóa học hiện tại chứng minh sự vật không tự tồn tại, không có cá thể độc lập, không giữ nguyên một vị trí. Một vật thể này bị thay đổi chất liệu liền biến thành vật thể khác. Thế nên, con người có thể dùng các thứ nguyên liệu khoa học đã tìm được, biến chế thành những sản phẩm hữu ích cung ứng cho nhân loại cần dùng. Mọi vật thể kết hợp không phải đơn thuần, mà sự cấu tạo rất phức tạp. Biết được sự cấu tạo của vật thể, người ta sẽ tạo điều kiện biến nó thành những vật theo nhu cầu của mình. Sự biến hóa đổi thay trong mỗi vật thể đã là bằng chứng hùng hồn về lý không cố định của sự vật. Thấy được lý không cố định là thấy tốt bản tánh của sự vật. Những nguyên tố hợp thành sự vật tuy nhiều song chẳng lắm, do sự kết hợp tăng giảm biến thành muôn vàn sự vật có đủ thiên hình vạn trạng trên thế gian này. Quả là trong vật này có những nguyên tố của vật khác, trong vật khác có những nguyên tố của vật này. Thế nên, nói “A tức B, B tức A” là đúng lẽ thật đâu có sai ngoa.

HIỆU DỤNG CHỮ TỨC TRONG SỰ TU HÀNH

Hiểu rõ chữ TỨC có công hiệu rất lớn trong việc tu hành. A tức là B, thì A không thật A, B tức là A thì B không thật B. Muôn vật tùy duyên thay hình đổi dạng, có cái gì cố định mà chấp. Bệnh lớn của con người là cố chấp, chấp càng nặng thì khổ càng nhiều. Mỗi người chấp theo cái thấy, cái nghe, cái sở học, cái suy nghĩ, cái tưởng tượng của mình hoặc của nhóm người thân mình, nếu

người khác thấy đồng cái thấy của mình, nhóm mình thì thân; thấy khác cái thấy cái chấp của mình, nhóm mình thì thù. Đây là gốc đầu tranh gây ra đau khổ cho nhân loại. Sự vật là một dòng biến thiên, mà mình nhìn theo cái chấp cố định thì làm sao thấy được lẽ thật, làm sao đem lại sự an bình. Con người khủng khiếp hãi hùng khi nghe tin mình sắp chết. Sợ chết vì chấp thân là chắc thật lâu dài, bỗng dưng nó sắp tan hoại nên hoảng sợ. Sự nghiệp tài sản cũng chấp cố định bền lâu, xảy ra tai nạn hỏa hoạn, binh đao, trộm cướp... khiến phải tan hoại, người ta sẽ đau khổ vô hạn. Tình cảm bạn bè, thân hữu..., chấp mãi mãi không đổi thay; một khi gặp cảnh đổi thay, người ta sẽ thâm sâu vô kể.

Người nắm vững nguyên tắc “các pháp không cố định”, mọi cố chấp trên từ từ tan rã, khổ đau, sầu thảm, hoảng sợ, hãi hùng dần dần tan biến theo mây khói. Thân sắp chết, sự nghiệp tan vỡ, bạn bè chia lìa... cũng là lẽ đương nhiên trong dòng biến thiên của vạn vật. Chúng ta chưa can đảm cưỡi trước cảnh ấy, song cũng can đảm nhìn chúng trôi qua với tâm niệm an bình. Bởi người tu hành là huân tập phát minh những lẽ thật ấy. Sở dĩ hiện nay có lắm người tu khi gặp hoàn cảnh tang thương biến cố liền hoảng sợ bất an, do họ không phát minh những lẽ thật này. Họ nghĩ rằng tụng kinh nhiều, niệm Phật lắm, cúng kính hậu là đầy đủ công phu tu hành. Tu bằng cách nhắm ra ngoài, chạy theo hình thức làm sao đạt được lẽ thật, mà làm suy giảm khổ đau. Họ càng tu thì chấp càng nặng, chấp nặng thì đau khổ càng nhiều. Thế là, tu chỉ tăng khổ, chớ không hết khổ.

A tức là B, thì A không thật là A, B tức là A, thì B không thật là B, hai bên đều không cố định. Đã không cố định thì làm sao dám bảo là thật. Hai bên đều không thật thì không thể thành hai. Bởi không thể thành hai là tiến thẳng vào “Pháp môn bất nhị”. Thấy vạn vật đối đãi không thật, còn gì để lý giải luận bàn. Vừa phát ra ngôn ngữ là nằm trong đối đãi, đối đãi thuộc hai bên. Muốn chỉ chỗ cứu kính của “Pháp môn bất nhị”, ngài Duy-ma-cật chỉ còn cách lên tòa ngồi lặng thinh. Chính thế mà Bồ-tát Văn-thù tán thán không tiếc lời.

THẤY THÂN GIẢ ĐỐI CÓ PHẢI QUAN NIỆM CHÁN ĐỜI CHĂNG?

Đa số người nghe trong kinh Phật nói “xem thân như huyễn hóa” cho là tâm trạng bi quan, yếm thế. Trái lại, nhà Phật thấy thân như huyễn hóa là sức mạnh để làm lợi ích chúng sanh. Như nói “Bồ-tát lấy thân như huyễn độ chúng hữu tình như huyễn”, bởi Bồ-tát thấy thân hình không thật nên sẵn sàng lặn xả vào làm việc lợi ích chúng sanh, dù gặp khó khăn nguy hiểm cũng không ngần sợ, vì thân như huyễn có mất cũng không gì quan trọng. Thấy chúng hữu tình như huyễn nên độ chúng sanh mà không chấp nhân ngã. Thấy thân như huyễn, khiến người ta mạnh mẽ lên, không còn hãi sợ, trước vạn vật biến thiên mà tâm hồn mình vẫn an nhiên tự tại... Ta hãy nghe bài kệ của Thiền sư Vạn Hạnh:

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,

Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô.

Nhậm vận thanh suy vô bổ úy,

Thanh suy như lộ thảo đầu phồ.

Dịch:

Thân như bóng chớp có rồi không

Cây cỏ xuân tươi, thu đượm hồng

Mặc cuộc thanh suy không sợ hãi

Thanh suy như cỏ hạt sương đông.

Biết bao lời Phật, ý Tổ trong các kinh, luận thấy thân như huyễn đạt tinh thần vô úy như thế.

THẤY THÂN HUYỄN HÓA LÀ ĐÚNG LỄ THẬT

Phật giáo nói thân này do tứ đại hòa hợp thành nên không chắc thật bền lâu. Tứ đại là đất, nước, gió, lửa, bốn thứ này bủa khắp trời đất vạn vật nên nói là đại. Chất cứng trong thân là đất, chất ướt là nước, chất động là gió, chất ấm là lửa. Bốn chất này thiếu một thì thân phải hoại. Song bốn chất này luôn luôn thù địch chống đối nhau. Lửa không ưa nước, đất không ưa gió, ngược lại cũng thế. Khi lửa thanh hơn nước sanh nóng bức đau đầu; gió thanh hơn đất sanh nhọc nhằn đau nhức. Chúng hằng chống đối nhau, nên lúc nào thân này cũng sẵn sàng bệnh hoạn hay chực tan rã. Ta khéo điều hòa thì thân còn an ổn, không khéo chúng sẽ băng hoại. Sự băng hoại của thân thật bất định, một mạch máu bể, một cái sẩy chân, một luồng gió độc, một viên đạn xuyên qua... là mất mạng. Sự hòa hợp của tứ đại thật là khó khăn không bảo đảm lâu dài, vì chúng mang bản chất thù địch nhau. Như bốn người thù địch nhau chung làm một công tác, nếu thiếu một trong bốn người thì công tác phải đổ vỡ. Thử hỏi, chúng ta dám bảo đảm bốn người này hòa hợp lâu dài chăng? Và công tác họ đang làm có thể thành tựu viên mãn không? Thật không ai dám hứa điều đó hết, vì thấy rõ tính chất thù địch của chúng. Sự hòa hợp của bốn kẻ thù, dù ai ngu tối mấy cũng biết rất tạm bợ mỏng manh. Thế thì, nói thân tạm bợ hư dối là nói đúng sự thật không còn nghi ngờ gì nữa.

Chẳng những sự hòa hợp của chúng rất tạm bợ mỏng manh, chính khi đang hòa hợp, chúng cần phải vay mượn tứ đại bên ngoài hỗ trợ mới được tồn tại. Sự vay mượn tứ đại bên ngoài bị thiếu hay ngưng trệ, nguy cơ tan vỡ xuất hiện ngay. Lỗ mũi chúng ta đang hít thở là mượn gió, miệng ta uống nước, ăn cơm là mượn nước, mượn đất và lửa. Sự vay mượn ấy được thuận chiều ổn thỏa thì thân an vui khỏe mạnh. Sự vay mượn bị trở ngại khó khăn là thân đau đớn nguy kịch. Quả thật cuộc sống an vui hạnh phúc là do sự vay mượn và tổng trả một cách an ổn điều hòa,

ngược lại là sự sống bất hạnh. Sự sống còn là nhờ vay mượn, làm sao dám nói thân này là thật, là lâu dài?

Thế mà người đời bị si mê nhiều kiếp, cứ nghĩ thân này là thật, là lâu bền, là của ta. Thậm chí đất nước gió lửa bên ngoài là của thiên nhiên trời đất, mà một khi mượn vào xài, liền chấp của mình. Như lỗ mũi vừa mượn không khí đem vào chưa đến một phút, thở trả ra liền nói hơi của tôi. Nước, đất cũng chấp như vậy. Một vật gì vừa qua thân này đều nói là của tôi, không ngờ cái tôi này cũng vay mượn nốt. Bao nhiêu đó đủ thấy, cái si mê chấp ngã của chúng ta thật quá nặng nề. Vì chấp ngã nên mù quáng, không thấy lẽ thật. Bởi vậy nên nghe nói thân này như huyễn hóa liền hẳn học chống đối ngay.

Nếu thân này là thật, phải có bảo đảm tồn tại trong thời gian bao lâu. Quả thật không dám bảo đảm, làm sao nói thân này là thật được. Có người ra chợ mua hàng, thấy món hàng vừa ý muốn mua, song còn ngại đồ giả. Chàng ta hỏi cô bán hàng: Đây là đồ thật hay đồ giả? Cô bán hàng đáp: Đồ thật! Tôi bảo đảm ông đồ tốt lâu bền... có thật mới dám bảo đảm, nếu giả đâu dám bảo đảm, trừ kẻ bướng. Thân này đã không, có ai dám bảo đảm, nói giả dối là hợp lý còn gì nghi ngờ. Song nói giả dối hay huyễn hóa để chỉ sự có mặt của nó rất tạm bợ không lâu bền, không chủ thể, chớ chẳng phải không ngờ, không có gì hết. Có người bảo đạo Phật nói thân như huyễn hóa, tại sao các người tu theo Phật vẫn ăn, vẫn mặc v.v... và v.v...? Biết thân huyễn hóa là thấy nó có một cách tạm bợ ngắn ngủi, dễ tan hoại, chẳng phải là không, sự ăn mặc đối với nó là lẽ thường có gì phải nghi. Thấy được lẽ thật tạm bợ của thân này, chúng ta phá được cái chấp ngã sai lầm vô lý, dừng tay, không tạo nghiệp ác, đem lại sự cảm thông tương trợ lẫn nhau, để được chút an vui trong cuộc đời tạm bợ.

THẤY THÂN HUYỄN HÓA ĐỂ TRỪ TAM ĐỘC

Tham, sân, si là ba con rắn độc sát hại người không thể kể xiết. Chẳng những chúng giết hại người trong đời này, mà còn gây họa ương không biết bao nhiêu kiếp nữa. Còn tham sân si là con người còn đau khổ. Thấy thân như huyễn hóa là lối nhìn đúng như thật bằng con mắt trí tuệ. Con mắt trí tuệ mở sáng thì si mê tan biến là phá được si. Si đã tan thì tham theo đó mà dừng. Tham hết thì sân không còn lý do trở ngại. Bởi si mê nên thân duyên hợp hư dối ta tưởng làm là chân thật quý báu. Do tưởng thân thật quý, nên sanh lòng tham muốn thu góp mọi nhu cầu mà thân yêu thích. Sự thu góp bị ngăn trở liền nổi sân lên. Thế là, từ si khởi tham, từ tham sanh sân, tạo nghiệp gây khổ cho mình cho người. Hành giả biết rõ cội gốc của tam độc là si mê dùng cây xẻng trí tuệ bứng tung gốc si mê lên. Gốc si mê đã tróc thì thân tham và cành lá sân cũng đổ ngã theo, cây tam độc ngang đây sẽ khô khan rã mục. Quả là chúng ta đã tháo được cây chột cửa giải thoát. Bài kinh Bát-nhã bồ đề khuyên cho tất cả thời

khóa tu tập chủ yếu là ở chỗ này. Chúng ta tu theo đạo Phật là đi trên con đường giác ngộ, nếu không thấp sáng ngọn đuốc trí tuệ thì mục đích giác ngộ ắt phải xa vời. Kinh Pháp Cú Phật dạy “các ông tự thấp đuốc lên mà đi, thấp lên với chánh pháp”. Trong mười hai nhân duyên, bắt đầu từ vô minh. Từ vô minh tiếp nối đến sanh tử là lưu chuyển. Vô minh diệt cho đến sanh tử diệt là hoàn diệt. Do vô minh dẫn mãi đi trong luân hồi sanh tử. Vô minh là tên khác của si mê. Chúng ta đã thấy đích thực bộ mặt ác độc của hần rồi, không ra tay tiêu diệt hần, biết bao giờ chúng ta mới hết khổ. Vì thế, hành giả thẳng tay trừng trị đích đáng kẻ ác độc này, với cây kiếm trí tuệ cầm sẵn trong tay. Bất cứ nơi chốn nào, thời gian nào, hành giả hằng lia kiếm trí tuệ, bọn quân si mê ngã rạp không còn một đũa dấm xấp lại gần là thắng trận, trên đường tiến đến thành giác ngộ. Ngược lại, là kẻ bại trận không thể cứu.

THẤY THÂN HUYỄN HÓA ĐẠT ĐẾN KHÔNG HUYỄN HÓA

Lý do không bị quan của đạo Phật là thấy thân huyền hóa để đạt đến không huyền hóa. Không phải như những kẻ phàm phu tục tử, có lúc nhàn hạ ngồi yên suy gẫm cuộc đời, thấy nó ngắn ngủi tạm bợ đâm ra chán chường kinh hoàng. Thấy cuộc sống đi vào ngõ cụt, họ ê chề chán ngán có khi liêu minh tự tử. Hành giả dùng trí tuệ quán sát thấy thân đúng lẽ thật, nó hư dối tạm bợ không có gì đáng quý. Song lại có cái chân thật tàng ẩn trong ấy, chỉ có người đạt đạo mới thấy được. Ta hãy nghe ba câu trong bài ca Chứng Đạo của Thiền sư Huyền Giác:

Huyền hóa không thân tức pháp thân

Pháp thân giác liễu vô nhất vật

Bản nguyên tự tánh Thiên Chân Phật.

Ngay trong thân không thật huyền hóa này tức là Pháp thân. Giác ngộ pháp thân thấy không có một hình tướng sự vật gì. Pháp thân này cũng gọi là Bản nguyên, Tự tánh, Thiên Chân Phật. Pháp thân là tên khác của tâm thể lặng lẽ, tràn đầy trong sáng của mọi chúng ta. Nó không có hình tướng nên không bị vô thường, không dấy động nên không sanh diệt, hằng trong sáng nên chẳng phải không ngộ. Vì chúng ta quen nhìn cái gì cũng theo hình tướng, theo dấy động mới cho là có, ngược lại bảo là không? Để sáng tỏ ý này, chúng ta nghe lời đối đáp của Thiền sư Hoài Nhượng với Lục Tổ. Sư đến Tào Khê, Lục Tổ hỏi: Ở đâu đến? Sư thưa: Ở Tung Sơn đến. Tổ hỏi: Vật gì đến? Sư thưa: Nói in tuồng một vật tức không trúng. Tổ hỏi: Lại có tu chứng chăng? Sư thưa: Tu chứng tức chẳng không, nhiệm ô tức chẳng được. Tổ bảo: Chính cái không nhiệm ô này là chỗ hộ niệm của chư Phật, người đã như thế, ta cũng như thế.

Tâm thể lặng lẽ tràn đầy trong sáng có sẵn trong mọi người, nên nói là bản nguyên, là tự tánh. Tại

vì vọng tưởng dấy khởi liên miên, khiến chúng ta chỉ thấy vọng tưởng, không thấy được tâm thể này. Bởi chỉ thấy vọng tưởng nên chấp nhận vọng tưởng làm tâm mình, hải lòng ngang đây, cam chịu nó lôi chạy trong lục đạo luân hồi. Mỗi vọng tưởng dấy lên, hay mỗi niệm khởi, đã cắt xén tâm thể tràn đầy thành những mảnh vụn. Những mảnh vụn này tung tóe lên che khuất tâm thể lặng lẽ tràn đầy trong sáng. Như mặt biển lặng lẽ tràn đầy trong sáng, một cơn gió mạnh thổi qua, những lượn sóng trở dậy nối tiếp, đã cắt xén mặt biển phẳng lì thành vô lượn mảnh vụn, đang sẵn đuổi nhau. Khi này, người ta nhìn không còn thấy mặt biển phẳng, chỉ thấy bao nhiêu lượn sóng găm thét rượt bắt nhau.

Sóng đã dậy làm sao dừng? Chỉ khi nào gió lặng. Sóng tâm muốn dừng chỉ khi nào gió nghiệp lặng. Vọng tưởng dấy lên đều có đối tượng. Ngã và pháp là đối tượng chủ yếu của vọng tưởng. Nghĩ cái gì? Nghĩ về ta, về người hay vạn vật. Thấy thân duyên hợp như huyền, cảnh duyên hợp như huyền là vô hiệu hóa gió nghiệp. Đã biết thân cảnh hư dối còn gì phải bận lòng, đối tượng đã phá vỡ thì vọng niệm không còn chỗ tựa để phát sanh. Thế là gió nghiệp lặng, sóng vọng niệm từ từ im bật, chỉ còn mặt biển tâm lặng lẽ tràn đầy trong sáng như xưa. Công tác quan trọng của người tu là trí tuệ Bát-nhã, nhờ nó chúng ta mới phá được mê lầm muôn kiếp. Nó góp công lớn lao trong việc đem lại an bình cho tâm thể.

Vọng niệm dấy khởi là loạn động, sanh diệt, là cắt xén vụn vặt, là che phủ ngàu đục. Có vọng niệm thì không thể thấy được tâm thể lặng lẽ tràn đầy trong sáng. Vì thế, mọi người đều có tâm thể lặng lẽ tràn đầy trong sáng mà ít người nhận ra. Đã không nhận ra, dù tu hành cũng không tin mình thành Phật. Đây là nguyên nhân lui sụt của đa số người tu. Nghe trong kinh nói có Chân tâm, Phật tánh, Tri kiến Phật..., thực tế không bao giờ họ nhận thấy mặt mày của nó. Tu lâu rồi, họ xoay ra lo cất chùa to, tổ chức lễ lớn... lấy đó làm Phật sự, việc giác ngộ giải thoát xem như vô phần. Muốn thấy chân tâm, Phật tánh, trước tiên chúng ta phải dừng vọng niệm. Vọng niệm đã dừng thì tâm thể lặng lẽ tràn đầy trong sáng hiện tiền, chẳng cần cầu mong trông đợi cũng tự thấy. Song vọng niệm không phải dễ dừng, nó đã thành một dòng sanh diệt liên tục trong chúng ta. Để chặn đứng nó, trước tiên chúng ta phải đập nát đối tượng chủ yếu làm cơ sở phát sanh của nó là ngã và pháp. Dùng trí Bát-nhã thấy ngã pháp như huyền hóa, là chiếc búa thần đập tan đối tượng chủ yếu của vọng niệm. Đối tượng đã đổ vỡ thì vọng niệm còn nương đâu phát sanh. Thế là, nhờ trí tuệ Bát-nhã thấy ngã pháp như huyền hóa, hành giả đạt đến tâm thể chân thật không huyền hóa.

BI TRÍ TRÒN ĐỦ

Trí tuệ khai phát, hành giả tháo gỡ lần những mối rối bòng bong trong tâm tư. Đến khi mọi việc suôn sẻ, trí giác tròn sáng là xong phần tự giác. Phần

giác tha do tâm từ bi thúc đẩy, đến lúc viên mãn thì công phu hành giả mới được tròn đủ. Khi thực hiện giác tha, hành giả phải chuẩn bị thế nào? Tâm từ bi là ban vui cứu khổ. Chúng sanh có nhiều loại khổ, không ngoài hai thứ, khổ về vật chất, khổ về tinh thần. Khổ về vật chất tuy cấp bách song không trầm kha miên viễn bằng khổ về tinh thần. Thể hiện lòng từ bi bằng hành động bố thí, trong ba thứ bố thí, tài thí là đứng đầu. Vì thích ứng với nhu cầu cấp bách vật chất, nên phải thực hiện tài thí trước. Người đang đói rét mà mời đi nghe pháp là việc làm của kẻ đại khờ. Trước nhất, chúng ta phải cho họ có cơm ăn, cả áo mặc, sau mới hướng dẫn về đạo lý thâm sâu. Do đó, pháp thí Phật đặt sau tài thí. Phật tử muốn cứu người thoát khỏi cái khổ trầm kha, miên viễn của tinh thần, trước phải lo giúp đỡ người giảm bớt cái khổ về vật chất. Vì thế, tuy thấy thân như huyễn hóa, các pháp như huyễn hóa, chúng ta vẫn phải cần cù lao động làm ra nhiều tài sản của cải để giúp những người cần giúp, nhiên hậu mới đem chánh pháp hướng dẫn giáo hóa họ. Thấy thân như huyễn, các pháp như huyễn, để rồi nhìn cảnh ngấm trắng nhíp đuôi ngậm thơ, là người không có lòng từ bi, không hiểu thấu ý nghĩa Phật dạy. Hoặc gặp ai cũng cố gắng khai mở trí Bát-nhã cho họ, mà không đếm xỉa gì bản thân người đang no hay đói, là kẻ thuyết pháp chẳng hợp thời cơ. Vì muốn cứu cái khổ trầm kha miên viễn tinh thần của mọi người, chúng ta phải cố gắng nỗ lực cứu cái khổ cấp bách vật chất cho họ trước đã. Được vậy, sự tự giác giác tha, chúng ta mới tròn đủ. Tự giác là trí, giác tha là bi, đạo Phật chủ yếu đưa người đến giác ngộ, nên bi trí đều cùng một chữ giác.

KÈ SI MÊ NGƯỜI TRÍ TUỆ CAN ĐẢM HY SINH

Kẻ si mê can đảm hy sinh không ngoài ba yếu tố chính là tham lam, sân hận, si mê. Vì tham danh, tham lợi, tham sắc..., họ can đảm hy sinh, vì đam mê không mất ý, họ can đảm hy sinh, vì nóng giận hận thù, họ can đảm hy sinh. Sự can đảm hy sinh của họ do động lực bên ngoài thúc đẩy. Họ can đảm trong cái sợ sệt, hy sinh trong cái liều lĩnh. Người đời muốn lợi dụng lòng can đảm, hy sinh của họ, bèn cám dỗ bằng danh lợi, kích động bằng hận thù, xây dựng bằng lý tưởng. Bởi không tự chủ được, họ phải làm theo cái gì mà người khác muốn họ làm. Cuộc sống của họ xem ra rất ngang dọc anh hùng, song là cái anh hùng của người khác tạo nên. Họ hy sinh trong cái tự cao, ngã mạn, hoặc trong nhắm mắt đánh liều.

Người trí tuệ can đảm hy sinh do nhận chân lẽ thật, vì lòng từ bi cứu khổ chúng sanh. Khi thấy rõ thân này duyên hợp như huyễn, chúng sanh không biết chấp là thật, gặp cảnh khổ liền kinh hoàng, hoảng sợ. Người trí tuệ thấy thế dám hy sinh thân mình để đem sự an vui cho người. Đòi mất trí tuệ với lòng từ bi, người trí tuệ can đảm hy sinh giúp người, cứu vật, không do động lực nào khác thúc đẩy. Nói can đảm hy sinh, mà thật không có gì đáng hy sinh. Bởi thấy thân như huyễn hóa, sự còn mất có đáng gì, gọi là hy sinh.

Cho nên, hy sinh cho mọi người, vẫn không thấy có mình hy sinh, đây là tâm hồn Bồ-tát. Bồ-tát thấy chúng sanh khổ coi như mình khổ, xả thân mình giải khổ cho người là việc làm dễ dàng thường nhật của Bồ-tát.

KẾT THÚC

Qua những lý do trên, chúng ta được quyền khẳng định rằng thấy thân giả dối là đúng lẽ thật, là diệt trừ tam độc, là giải thoát sanh tử, là tích cực vì người, là can đảm hy sinh, không phải là quan niệm bi quan yếm thế. Mọi khổ đau, mọi hèn nhất, phát nguồn từ bản ngã khổng lồ. Phá tan được bản ngã này, có sự lợi ích nào chẳng dám làm, sự đau khổ nào mà chẳng dám cứu, sự hiểm nguy nào mà chẳng xông vào. Bồ-tát Địa Tạng đầu không nói "ta không vào địa ngục, ai vào địa ngục". Có phải chăng là một sức mạnh vô biên, khi thấy thân không thật. Chỉ trừ bọn phạm phu, sau khi trà dư tửu hậu, ngồi suy gẫm cuộc đời, thấy kiếp sống mong manh cuộc đời tạm bợ, nảy sanh ra quan niệm chán đời. Với cái nhìn của bọn người này, không dính dáng gì với trí tuệ Bát-nhã. Trí tuệ Bát-nhã không rời từ bi. Bi trí viên mãn mới tròn Phật quả.